| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VẠN NINH**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 3 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Phan Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Ngọc Quý

2. Ông Huỳnh Thái Việt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 07tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ 15 tháng 5 năm 2024, về việc "ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, hợp đồng vay tài sản" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, Q định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Văn Q- sinh năm: 1970; hộ khẩu thường trú: Tổ dân A, thị trấn V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: Thôn Tân Đ, xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị M - sinh năm: 1969; trú tại: Tổ A, thị trấn Vạn G, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ trụ sở: N, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T - chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Xuân T - chức vụ Trưởng

Phòng (Q  định ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024); Địa chỉ liên hệ:, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Anh Đoàn Xuân T- sinh năm 1994; Trú tại: Tổ A, thị trấn Vạn G, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Chị Đoàn Ngọc Tuyết L - sinh năm 1997; Trú tại: Tổ A, thị trấn Vạn G, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28/7/2023, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn Qtrình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/01/1994.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 8/2023 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Q  bỏ nhà đi do không thể chịu đựng được bà M không tôn trọng, đặt điều, xúc phạm danh dự của ông; từ đó đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay ông Q  xác định không còn yêu thương bà M và yêu cầu ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Q  xác định giữa vợ chồng có 02 con chung Đoàn Xuân Tr - sinh ngày 09/7/1994, Đoàn Ngọc Tuyết L - sinh ngày 18/6/1997. Hiện nay, 02 con đều trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên ông Q  không yêu cầu Tòa án giải Q .

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 101,4m$^2$ loại đất ở tại đô thị; trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng.

Nguồn gốc đất trên là do vợ chồng ông Q  được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án công trình xây dựng đường Nguyễn Trãi, thị trấn Vạn Giã đối với hộ gia đình ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ hỗ trợ 50% giá trị thửa đất, 50% còn lại khoảng 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) là tiền vợ chồng ông Q  đóng góp.

Đối với tiền xây dựng ngôi nhà: Vợ chồng ông Q  đã chuyển nhượng 01 lô đất của vợ chồng ở tổ dân phố số 09, thị trấn Vạn Giã trị giá khoảng 1.750.000.000đồng (một tỉ bảy trăm năm mươi triệu đồng), sau đó vào năm 2022 vợ chồng sử dụng 1.300.000.000đồng tiền chuyển nhượng đất trên để xây ngôi nhà 02 tầng kiên cố và mua sắm đồ dùng gia đình.

Tại phiên tòa, ông Q yêu cầu được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất, đồng thời thanh toán giá trị phần tài sản cho bà M và 02 con tổng cộng 1.500.000.000đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng).

- Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ của Ngân hàng TMCP S số tiền 326.242.481 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng của Ngân hàng, khi ly hôn yêu cầu mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn trình bày và tại phiên tòa, bị đơn bà Vũ Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Đoàn Văn Qtự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/01/1994.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Q thường xuyên đi chơi với người phụ nữ khác mà không quan tâm, chăm sóc vợ con, khi bà M khuyên bảo thì xúc phạm danh dự của bà M. Từ tháng 8/2023 đến nay, ông Q bỏ nhà đi chưa quay trở về, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà M xác định không còn yêu thương ông Q và đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung Đoàn Xuân Tr - sinh ngày 09/7/1994, Đoàn Ngọc Tuyết L -sinh ngày 18/6/1997 đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà M không yêu cầu Tòa án giải Q .

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm nhà và đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 101,4m2 loại đất ở tại đô thị, trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng; bà M đồng ý yêu cầu chia tài sản chung này, ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác.

Nguồn gốc đất trên là do vợ chồng bà M được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án công trình xây dựng đường Nguyễn Trãi, thị trấn Vạn Giã đối với hộ gia đình ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần giá trị thửa đất, phần còn lại khoảng 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) là tiền vợ chồng đóng góp.

Đối với tiền xây dựng ngôi nhà: Vợ chồng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 01 lô đất (do cha mẹ đẻ của bà M tặng cho vợ chồng) vào năm 2021 được một số tiền hơn 1.700.000.000đồng (một tỉ bảy trăm triệu đồng). Sau đó vào năm 2022, đã sử dụng khoảng 1.300.000.000đồng (một tỉ ba trăm triệu đồng) để xây ngôi nhà 02 tầng kiên cố và mua sắm đồ dùng gia đình; số tiền còn lại dùng để trả nợ cho Ngân hàng và cá nhân khác. Ngoài ra, các con gồm Đoàn Xuân Tr và Đoàn Ngọc Tuyết L không đóng góp tiền bạc để xây dựng ngôi nhà

trên; bà M xác định vợ chồng bà M có đủ kinh phí để xây dựng, hoàn thiện căn nhà trên.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà M chấp nhận giá trị tài sản mà Hội đồng định giá vào ngày 22/11/2024 đã đưa ra đối với đất là 1.318.200.0000đồng (một tỉ ba trăm mười tám triệu hai trăm nghìn đồng), đối với nhà và công trình trên đất là 683.506.076đồng (Sáu trăm tám mươi ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng). Về đất: Bà M yêu cầu chia giá trị thửa đất làm 04 phần, ông Q , bà M và 02 con mỗi người nhận 01 phần, cụ thể 1.318.200.000 đồng : 4 = 329.550.000đồng. Về nhà: Bà M yêu cầu chia giá trị căn làm 04 phần, gồm ông Q , bà M và 02 con mỗi người nhận 01 phần, cụ thể 683.506.076 đồng : 4 = 170.876.519 đồng. Bà M yêu cầu giao nhà và đất trên cho bà M được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, đồng thời chấp nhận thanh toán giá trị phần tài sản chênh lệch cho 03 người còn lại.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ của Ngân hàng TMCP S số tiền 326.242.481 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng của Ngân hàng, khi ly hôn yêu cầu mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

** Tại đơn trình bày gửi Toà án ngày 14/11/2024, tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Xuân Tr trình bày:*

Về nợ chung của cha mẹ: Anh Tr thống nhất giao cho cha mẹ thế chấp tài sản là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, vị trí thửa đất tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cho Ngân hàng Sacombank - chi nhánh Vạn Ninh để vay tiền trả nợ và làm ăn. Số tiền vay do ông Q và bà M chịu trách nhiệm trả.

Phần tài sản chung: Anh Tr thống nhất giá của Hội đồng định giá đưa ra; anh Tr xác định không đóng góp tiền để tạo lập, xây dựng tài sản chung của gia đình; anh yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 122 làm 4 phần; đối với phần tài sản của anh, anh tự nguyện cho mẹ là bà Vũ Thị M được quyền sở hữu, sử dụng.

** Tại đơn trình bày gửi Tòa án ngày 14/11/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Ngọc Tuyết L trình bày:*

Về nợ chung của cha mẹ: Chị L thống nhất giao tài sản cho cha mẹ để thế chấp tài sản là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, vị trí thửa đất tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cho Ngân hàng Sacombank - chi nhánh Vạn Ninh để vay tiền trả nợ và làm ăn. Số tiền vay do ông Q và bà M chịu trách nhiệm trả.

Phần tài sản chung: Chị L tự nguyện tặng cho cho mẹ là bà Vũ Thị M được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản chung của chị.

** Tại Đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 09/7/2024, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S trình bày:*

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Ninh Hòa - Phòng giao dịch Vạn Ninh (Sacombank) có cho ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M vay vốn cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD2008400395 ngày 24/03/2020; Giấy nhận nợ số LD2008500749 ngày 25/03/2020. Tổng số tiền vay: 170.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng). Tổng dư nợ: 19.798.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Lãi suất: 13.2%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng. Thời điểm trả hết nợ: Ngày 24/04/2025.

- Hợp đồng tín dụng số 202025692722 ngày 19/01/2021; Giấy nhận nợ số LD2102000591 ngày 20/01/2021. Tổng số tiền vay: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Tổng dư nợ: 28.319.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm mười chín nghìn đồng). Lãi suất: 13.2%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng. Thời điểm trả hết nợ: Ngày 20/01/2026.

- Hợp đồng tín dụng số 202327107916 ngày 24/05/2023; Giấy nhận nợ số LD2314400700 ngày 24/05/2023. Tổng số tiền vay: 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tổng dư nợ: 210.937.000 đồng (Hai trăm mười triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Lãi suất: 15.1%/năm. Thời hạn vay: 96 tháng. Thời điểm trả hết nợ: Ngày 24/05/2031.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp 01 bất động sản cụ thể như sau: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20 tại TDP 12, TT Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/04/2019. Giá trị tài sản là 948.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi tám triệu đồng) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 158/TC20 ký ngày 24/03/2020.

- Ngoài ra, ông bà Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M còn nợ Ngân hàng hai thẻ tín dụng với tổng dư nợ: 51.401.196 đồng (Năm mươi mốt triệu bốn trăm lẻ một nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh.

Ngày 15/02/2024, do Ông Đoàn Văn Qbà Vũ Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chậm trễ thanh toán, Sacombank thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ đúng hạn. Ngày 16/09/2024, do ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M phải trả số nợ tính đến thời điểm ngày 07/3/2025 là 290.732.143 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 259.054.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

- Lãi trong hạn: 21.118.762 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng)

- Lãi quá hạn: 10.559.381 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng)

Ngoài ra, ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M còn nợ Ngân hàng hai thẻ tín dụng với tổng dư nợ: 51,362,896 đồng (Năm mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Dư nợ thẻ tín dụng của bà Vũ Thị M: 25.138.352 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Dư nợ thẻ tín dụng của ông Đoàn Văn Q : 26.224.544 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng). Và lãi phát sinh sau ngày 07/3/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải Q vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn cụ thể như sau:

Đề nghị cho ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M được ly hôn; không giải Q về con chung;

Đề nghị chia tài sản chung; bà Vũ Thị M được nhận 1.164.573.054đồng, ông Đoàn Văn Qđược nhận 835.023.054đồng; ghi nhận việc anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Thị Ngọc L cho bà M phần tài sản của mình. Giao cho bà Vũ Thị M sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất tranh chấp; bà M phải thanh toán lại gía trị chênh lệch cho ông Q .

Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, yêu cầu ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M trả toàn bộ số nợ (tính đến ngày 07/3/2025) là 290.732.143 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), dư nợ thẻ tín dụng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời được ưu tiên xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp là nhà, đất, công trình kiến trúc và tài sản trên đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20; địa chỉ tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Đoàn Văn Qyêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với bà Vũ Thị M, trú tại: tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểu a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Ngân hàng TMCP S yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M trả toàn bộ số nợ vay, đây là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểu a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền và phạm vi xét xử vụ án.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S và chị Đoàn Ngọc Tuyết L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 1083/TLKH - BS ngày 26/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, lời khai của các đương sự, thì ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 24/01/1994 của Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà M là hợp pháp.

[5] Về yêu cầu ly hôn: Ông Đoàn Văn Qyêu cầu ly hôn bà Vũ Thị M, bà Vũ Thị M đồng ý ly hôn. Theo lời trình bày của các đương sự, nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà M có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 8/2023, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[6] Về con chung: Ông Q và bà M xác định giữa vợ chồng có 02 con chung Đoàn Xuân Tr - sinh ngày 09/7/1994, Đoàn Ngọc Tuyết L - sinh ngày 18/6/1997. Hiện nay, 02 con đều trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông, bà không có yêu cầu giải Q về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản tranh chấp: Ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng gồm 01 quyền sử dụng đất, 01 căn nhà hai tầng và công trình kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 101,4m$^2$ loại đất ở tại đô thị, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 ngày 03/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa. Nay ông Q và bà M đều yêu cầu Tòa án chia tài sản này, ngoài ra không yêu cầu giải Q về tài sản chung nào khác.

[8] Giá trị tài sản tranh chấp xác định theo Biên bản định giá tài sản ngày 22/11/2024 như sau:

- Giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 13.000.000đồng/m$^2$

Thành tiền: 13.000.000 đồng/$m^2$ x 101,4$m^2$ = 1.318.200.000 đồng (một tỉ ba trăm mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) (1)

- Giá trị nhà: 5.280.337đồng/$m^2$ x 136,5m2 x 1,1 x 80%= 634.274.080đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi đồng) (2)

- Giá trị mái che: 1.078.134đồng/$m^2$ x 20$m^2$ x 80% = 17.250.144đồng (mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng) (3)

- Giá trị cánh cổng: 3.155.839đồng/$m^2$ x 10$m^2$ x 80% = 25.246.712đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng) (4)

- Giá trị tường rào: 1.700.431đồng/$m^2$ x 3,4m x 80% = 4.625.172đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi hai đồng) (5)

Tổng giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất:

(1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 1.999.596.108đồng (một tỉ chín trăm chín mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm lẻ tám đồng).

[9] Ông Đoàn Văn Qcó ý kiến không chấp nhận giá nhà do mức định giá thấp nhưng không khiếu nại, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ý kiến của mình là đúng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông. Giá trị của tài sản tranh chấp được xác định theo Biên bản định giá ngày 22/11/2024.

[10] Về nguồn gốc quyền sử dụng đất: Căn cứ vào hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M để đầu tư công trình đường Nguyễn Trãi, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 990893, số vào sổ cấp GCN: CH 05555 ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 ngày 03/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa (cấp đổi), thì hộ ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M gồm 04 người là ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M, anh Đoàn Xuân Tr, chị Đoàn Ngọc Tuyết L được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư 01 thửa đất thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 102,1$m^2$ loại đất ở tại đô thị, nay là thửa số 122, tờ bản đồ số 20, diện tích 101,4$m^2$, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Thửa đất số 122"). Do đó, Thửa đất số 122 là tài sản chung của hộ gia đình ông Q , bà M. Ông Q , bà M yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với Thửa đất số 22 là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về phần tài sản đóng góp đối với đất: Năm 2012, Nhà nước thu hồi một phần đất đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 37; địa chỉ tại tổ dân phố số 9, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa, Giấy CNQSDD đã cấp cho vợ chồng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M để đầu tư công trình đường Nguyễn Trãi, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh. Sau đó, Nhà nước bồi thường về đất và hỗ trợ một phần tái định cư cho cả hộ gia đình, đồng thời, hộ gia đình phải đóng tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính theo quy định

của pháp luật. Toàn bộ số tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính khác do ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M đóng góp và nộp, ông bà đều xác định anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Ngọc Tuyết L không đóng góp tiền để thực hiện nghĩa vụ này, do vào thời điểm này anh Tr, chị L chưa có thu nhập riêng, chưa có đóng góp tài chính cho gia đình. Anh Tr cũng thừa nhận anh không có đóng góp tài chính gì cùng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để nhận định, phần tài sản và công sức đóng góp đối với Thửa đất số 122 của vợ chồng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M cao hơn, nên cần được chia phần tài sản cao hơn anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Ngọc Tuyết L. Cụ thể, ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M mỗi người được hưởng 35% giá trị thửa đất, anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Ngọc Tuyết L mỗi người được hưởng 15% giá trị thửa đất.

[12] Về tài sản đóng góp xây dựng căn nhà gồm 02 tầng và các công trình trên đất, được xây dựng trên Thửa đất số 122: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Công văn số 5172/CNVN ngày 06/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Vạn Ninh, các lời khai của đương sự, thì vào năm 2021 vợ chồng ông Q và bà M đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 37, diện tích 85,9m$^2$ địa chỉ tổ dân phố số 09, thị trấn Vạn Giã (đất do cha mẹ bà M tặng cho vợ chồng ngày 11/11/2016) được một số tiền thực tế là hơn 1.700.000.000đồng (một tỉ bảy trăm triệu đồng). Sau đó vào năm 2022, ông bà thống nhất sử dụng khoảng 1.300.000.000đồng (một tỉ ba trăm triệu đồng) để xây ngôi nhà 02 tầng kiên cố và mua sắm đồ dùng gia đình. Ông Q và bà M đều xác định vợ chồng bà M có đủ kinh phí để xây dựng, hoàn thiện căn nhà trên, ngoài ra, các con gồm Đoàn Xuân Tr và Đoàn Ngọc Tuyết L không đóng góp tiền bạc để xây dựng ngôi nhà trên. Hơn nữa, trong thời gian giải Q vụ án, anh Tr, chị L không cung cấp chứng cứ nào chứng minh việc đóng góp tài chính, công sức để xây dựng ngôi nhà. Do đó, có cơ sở để nhận định, căn nhà 02 tầng tọa lạc tại Thửa đất số 122 do vợ chồng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M đóng góp xây dựng, tài sản và công sức đóng góp của ông bà là ngang nhau, nên mỗi người được hưởng 50% giá trị căn nhà và công trình kiến trúc trên đất.

[13] Về chia tài sản: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q và bà M đều có nguyện vọng được nhận nhà đất nói trên để có chỗ ở; anh Tr và chị L có đề nghị giao phần tài sản của mình cho bà Vũ Thị M.

[14] Xét thấy, anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Ngọc Tuyết L có quyền định đoạt đối với phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, tự nguyện tặng cho 15% giá trị quyền sử dụng đất của mỗi người cho bà Vũ Thị M là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 209, 212, 218 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Đất đai, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, bà M được hưởng 15% giá trị quyền sử dụng đất của anh Tr và 15% giá trị quyền sử dụng đất chị L trong khối tài sản chung. Như vậy, ông Đoàn Văn Qđược hưởng 35%, bà Vũ Thị M được hưởng 65% giá trị của Thửa đất số 122; ông Đoàn Văn Qđược hưởng 50%, bà Vũ Thị M được hưởng 50% giá trị căn nhà trên Thửa đất số 122.

[15] Cụ thể:

- Về đất ông Đoàn Văn Qhưởng giá trị: (1) x 35% = 461.370.000đồng (bốn trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về nhà và công trình kiến trúc trên đất, ông Q được hưởng giá trị:

[(2) + (3) + (4) + (5)] x 50% = 340.698.054đồng (ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

Tổng cộng giá trị phần nhà, đất mà ông Đoàn Văn Qđược hưởng là: 802.068.054 đồng (Tám trăm lẻ hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

- Về đất bà Vũ Thị M hưởng giá trị: (1) x 65% = 856.830.000đồng (tám trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Về nhà và công trình kiến trúc trên đất, bà M được hưởng giá trị:

[(2) + (3) + (4) + (5)] x 50% = 340.698.054đồng (ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

Tổng cộng giá trị phần nhà, đất mà bà Vũ Thị M được hưởng là: 1.197.528.054 đồng (Một tỉ một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi tám triệu không trăm năm mươi bốn đồng).

[16] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thì đất và công trình kiến trúc trên đất thuộc Thửa đất số 122 là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đều có công sức đóng góp ngang nhau để tạo lập, duy trì, phát triển tài sản này, tuy nhiên, xét nguyện vọng, hoàn cảnh thực tế hiện nay của từng người và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho phụ nữ, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao nhà, đất cho bà Vũ Thị M sở hữu, quản lý, sử dụng là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao nhà, đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, diện tích 101,4m$^2$ loại đất ở tại đô thị, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cho bà Vũ Thị M được sở hữu, quản lý, sử dụng.

[17] Bà Vũ Thị M được nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng, nên bà M phải thanh toán cho ông Q phần giá trị chênh lệch, với số tiền 802.068.054đồng (tám trăm lẻ hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

[18] Nợ chung: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M trả toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2015 là 290.732.143 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng); dư nợ thẻ tín dụng của bà Vũ Thị M: 25.138.352 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng); dư nợ thẻ tín dụng của ông Đoàn Văn Q : 26.224.544 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng của Ngân hàng sau ngày xét xử sơ thẩm.

[19] Theo Hợp đồng tín dụng số LD2008400395 ngày 24/03/2020; Giấy nhận nợ số LD2008500749 ngày 25/03/2020; Hợp đồng tín dụng số 202025692722 ngày 19/01/2021; Giấy nhận nợ số LD2102000591 ngày 20/01/2021; Hợp đồng tín dụng số 202327107916 ngày 24/05/2023; Giấy nhận nợ số LD2314400700 ngày 24/05/2023, có cơ sở để xác định ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn Thương Tín - Chi nhánh Ninh Hòa - Phòng giao dịch Vạn Ninh tổng số tiền 520.000.000đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q , bà M đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chậm trễ thanh toán tiền lãi, đến ngày 16/09/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 07/3/2025, vợ chồng ông Q , bà M còn nợ tổng cộng số tiền 290.732.143 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc: 259.054.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng); nợ lãi trong hạn: 21.118.762 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn: 10.559.381 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng ông Q  bà M có trách nhiệm liên đới đối với các khoản vay chung. Ngân hàng TMCP S yêu cầu vợ chồng ông Q , bà M trả tổng cộng số tiền 290.732.143 đồng (hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) là có cơ sở nên chấp nhận.

[20] Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, vào ngày 19/6/2021, Ngân hàng TMCP S thỏa thuận cho ông Đoàn Văn Qvay theo hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân; loại thẻ Family Credit EMV- Lãi suất 26.6%/năm, lãi suất trong hạn được Ngân hàng công cống theo biểu phí trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q  đã chậm trễ thanh toán dư nợ thẻ, đồng thời có khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh quá hạn, vi phạm quy định tại Điều 24.3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có hiệu lực ngày 24/8/2020. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đoàn Văn Q(chủ thẻ) trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng của với số tiền (tạm tính đến ngày 07/3/2025) là: 26.224.544 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[21] Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, vào ngày 02/3/2021, Ngân hàng TMCP S thỏa thuận cho bà Vũ Thị M vay theo hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân; loại thẻ Family Credit EMV- Lãi suất 26.6%/năm, lãi suất trong hạn được Ngân hàng công cống theo biểu phí trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M có khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh quá hạn, vi phạm quy

định tại Điều 24.3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có hiệu lực ngày 24/8/2020. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Vũ Thị M (chủ thẻ) trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng của với số tiền (tạm tính đến ngày 07/3/2025) là: 25.138.352 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[22] Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Q số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M còn phải trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

[23] Về xử lý tài sản bảo đảm: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 158/TC20 ngày 24/3/2020; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 158/TC20/PL1 ngày 20/01/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 158/TC20/PL2 ngày 24/5/2023; Hợp đồng ủy quyền ngày 24/3/2020; Phiếu yêu cầy đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/3/2020, thì ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M, anh Đoàn Xuân Tr, chị Đoàn Ngọc Tuyết L đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thuộc Thửa đất số 12 để đảm bảo các khoản vay và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Ngân hàng TMCP S, các thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp đều hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không vi phạm đạo đức xã hội, các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì nên thỏa thuận thế chấp tài sản trên được công nhận, có hiệu lực và có giá trị ràng buộc các bên. Ngân hàng TMCP S được ưu tiên khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận.

[24] Trường hợp ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền hiện đang còn nợ và kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp.

[25] Trường hợp ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M trả hết toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho ông Q , bà M tài sản đảm bảo là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/04/2019 đối với thửa đất số 122; tờ bản đồ số 20; địa chỉ: tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[26] Về chi phí tố tụng: Ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M mỗi người phải chịu phần chi phí định giá tương ứng với tỉ lệ giá trị phần tài sản được chia. Ông Đoàn Văn Qchịu số tiền 3.060.000đồng (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn

đồng), bà Vũ Thị M chịu số tiền 4.140.000đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Do nguyên đơn ông Đoàn Văn Qđã tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên bà M hoàn trả cho ông Q số tiền 4.140.000đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

[27] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Văn Qphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

[28] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M mỗi người phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tỉ lệ giá trị phần tài sản được chia. Ông Đoàn Văn Qphải nộp số tiền 36.062.042đồng (ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Bà Vũ Thị M phải nộp số tiền 47.925.842đồng (bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng).

[29] Ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M mỗi người phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ. Ông Đoàn Văn Qphải nộp số tiền 8.579.516đồng (tám triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm mười sáu đồng). Bà Vũ Thị M phải nộp số tiền 8.502.721đồng (tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng).

[30] Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[31] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 201, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 27, 33, 35, 37; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 209, 212, 218, 219, 297, 298, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Q số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Cho ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M được ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung Đoàn Xuân Tr - sinh ngày 09/7/1994, Đoàn Ngọc Tuyết L - sinh ngày 18/6/1997, đều trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông Q , bà M đều không yêu cầu giải Q .

3. Về tài sản chung:

3.1 Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho một phần tài sản chung của anh Đoàn Xuân Tr và chị Đoàn Ngọc Tuyết L đối với bà Vũ Thị M.

3.2 Ông Đoàn Văn Qđược chia tài sản có giá trị 802.068.054đồng đồng (tám trăm lẻ hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

3.3 Bà Vũ Thị M được chia tài sản có giá trị 1.197.528.054 đồng (một tỉ một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi tám triệu không trăm năm mươi bốn đồng).

3.4 Giao cho bà Vũ Thị M được sở hữu, quản lý, sử dụng nhà, đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 20, diện tích 101,4m$^2$ loại đất ở tại đô thị, vị trí tại tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 ngày 03/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

3.5 Bà Vũ Thị M phải thanh toán cho ông Đoàn Văn Qphần giá trị chênh lệch với số tiền 802.068.054đồng (tám trăm lẻ hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

4. Về nợ chung:

4.1 Ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với số nợ  tại Ngân hàng TMCP S, tính đến ngày 07/3/2025 là 290.732.143 đồng (hai trăm chín mươi triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Cụ thể, ông Đoàn Văn Q , bà Vũ Thị M mỗi người có nghĩa vụ thanh toán số tiền 145.366.071 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi mốt đồng).

4.2 Ông Đoàn Văn Qcó trách nhiệm thanh toán dư nợ thẻ tín dụng (tính đến ngày 07/3/2025) là 26.224.544 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng).

4.3 Bà Vũ Thị M có trách nhiệm thanh toán dư nợ thẻ tín dụng (tính đến ngày 07/3/2025) là 25.138.352 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M còn phải trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa

thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

4.4 Xử lý tài sản bảo đảm: Sau khi ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M trả hết toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả lại cho ông Q , bà M tài sản đảm bảo là bản chính Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 192847, số vào sổ cấp GCN: CS 00338 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/04/2019 đối với thửa đất số 122; tờ bản đồ số 20; tọa lạc tại địa chỉ: tổ dân phố số 12, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp ông Đoàn Văn Qvà bà Vũ Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền hiện đang còn nợ và kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp.

5. Về chi phí tố tụng:

Ông Đoàn Văn Qđã nộp đủ số tiền 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng); bà Vũ Thị M phải hoàn trả cho ông Q số tiền 4.140.000đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

6. Về án phí:

6.1 Ông Đoàn Văn Qphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 44.641.558 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi tám đồng). Ông Đoàn Văn Qđược trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006987 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; Đoàn Văn Qcòn phải nộp số tiền 23.641.588 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

6.2 Bà Vũ Thị M phải án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 56.428.563 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

6.3 Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng với số tiền 8.156.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007156 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

7. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày Q  định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, Q  định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- UBND thị trấn Vạn Giã;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Ngọc Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thái Việt** **Đỗ Ngọc Quý** **Lê Phan Ngọc Anh**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Ngọc Anh**